TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 89/2017/HNGĐ - ST
Ngày 04-10-2017
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các *Hội thẩm nhân dân*:

1. **Ông Trần Hùng Bích**

2. **Ông Lê Thành Thật**

Thư ký phiên tòa: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án Nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXX ST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Hồng S**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: số 162/4, tổ 4, khóm T1, phường M, thành phố A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Thanh L,** sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 162/4, tổ 4, khóm T1, phường M, thành phố A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Hồng S trình bày:

Bà S và ông Nguyễn Thanh L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại UBND phường M, thành phố A ngày 14/12/2005, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, ông L không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc và cả hai đã ly thân hơn từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà S và ông L có hai con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 23/5/2006 và Nguyễn Chấn T, sinh ngày 16/01/2011, hiện hai con chung đang sống với bà S. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt suốt trong thời gian chuẩn bị xét và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng S.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017 cháu Nguyễn Thanh L trình bày: Hiện cha mẹ không còn sống chung với nhau, cháu L đang sống với với bà S tại quận O, thành phố C. Nếu vì lý do nào đó ba mẹ không còn sống chung thì cháu L yêu cầu được sống với bà Sương sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Hồng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người

tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Bà S yêu cầu ly hôn, ông L không thể hiện ý kiến phản đối và vắng mặt trong quá trình tố tụng nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, con chung hiện do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc bà S tranh chấp ly hôn, về con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội Đồng Xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Trần Hồng S và ông Nguyễn Thanh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt, không lý do. Ngoài ra, tại phiếu xác minh tình trạng cư trú ngày 08/8/2017 được Công an phường M, thành phố A xác nhận ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú số 162/4, tổ 4, khóm T1, phường M, thành phố A, tỉnh An Giang và hiện vẫn còn sinh sống tại địa phương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S, ông L quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2004, xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân & Gia đình, ông bà có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà S cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng, ông L không có trách nhiệm với gia đình, hiện cả hai đã ly thân hơn 01 năm nhưng ông L không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 08/8/2017 do bà Nguyễn Thị Cẩm H (chị dâu bà S) cung cấp và được chính quyền địa phương xác nhận nội dung: ông L không lo lắng, quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường bỏ nhà đi tụ tập với bạn bè gây nợ nần nên giữa S và L xảy ra thường cự cãi. Điều này thể hiện, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn không tồn tại, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn, về con chung là phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử, xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà S và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 23/5/2006 và Nguyễn Chấn T, sinh ngày 16/01/2011. Nguyện vọng của cháu L yêu cầu được sống với bà S khi cha mẹ ly hôn được Tòa án ghi nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017, còn cháu T chưa đủ tuổi để trình bày ý kiến nhưng bà S vẫn đang nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành cho con chung nên cần ổn định cho cho bà S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà S và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà S không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Hồng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên theo biên lai thu số 0017850 ngày 06/7/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh L.

* **Xử**:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng S

Bà Trần Hồng S được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

[2] Về con chung: Bà Trần Hồng S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Thanh L, sinh ngày 23/5/2006 và Nguyễn Chấn T, sinh ngày 16/01/2011. Việc nuôi con không cố định.

Bà S và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà S không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Hồng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã

nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên theo biên lai thu số 0017850 ngày 06/7/2017. Bà S đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Hồng S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn Nguyễn Thanh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật Thi hành án Dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA